TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2023/QĐST-DS

TP. Vĩnh Long, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1968.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Ngọc H: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969 - theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2022.

Nơi làm việc: Số A, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Hoàng Q: Anh Nguyễn Hòa T1, sinh năm 1982 - theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021.

Nơi làm việc: Số C, đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số nhà F, ấp P, xã P, huyện L,

tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Lê Chánh Đ, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà B, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà B, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp cho ông M, ông Đ, bà L, bà N là bà Lê Thị T2, sinh năm 1970 theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022.

5. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Số nhà B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn N1: Anh Nguyễn Hòa T1, sinh năm 1982 - theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021.

Nơi làm việc: Số C, đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà A, Khóm A, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà C, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nội dung:

Các đồng thừa kế theo pháp luật là ông Lê Ngọc M, ông Lê Chánh Đ, ông Lê Văn N1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ngọc H, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ú và người thừa kế theo di chúc là anh Lê Hoàng Q của cụ Lê Văn K và cụ Phạm Thị T3 cùng thỏa thuận:

Di sản thừa kế là căn nhà gắn liền thửa đất số 145, tờ bản đồ số 17, diện tích là 49,6m^2, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do anh Lê Hoàng Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 637470 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 29/12/2015. Có tổng giá trị là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Vô hiệu ½ di chúc ngày 21/02/2012 tại Văn phòng C tỉnh Vĩnh Long.

Chia cho anh Lê Hoàng Q người thừa kế theo di chúc ½ giá trị di sản là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Chia ½ giá trị di sản còn lại thành 09 kỷ phần: 08 kỷ phần cho 08 đồng thừa kế, 01 kỷ phần dùng để thờ cúng. Giao kỷ phần thờ cúng cho bà Lê Thị Ngọc H.

Bà Lê Thị Ngọc H nhận hiện vật là căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 17, diện tích là 49,6m^2, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do anh Lê Hoàng Q đứng tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 637470 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 29/12/2015.

Bà Lê Thị Ngọc H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn cho anh Lê Hoàng Quân s tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn cho ông Lê Ngọc M, ông Lê Chánh Đ, ông Lê Văn N1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ú mỗi người 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Khấu trừ số tiền 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã đóng theo biên lai thu số N_0 0000766 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà H phải đóng thêm 1.280.000 (Một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Anh Lê Hoàng Q phải chịu 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Ngọc M, ông Lê Chánh Đ, ông Lê Văn N1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ú mỗi người người có nghĩa nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1957; ông Lê Chánh Đ, sinh năm 1962 nên được miễn án phí.

Chi phí tố tụng khác:

Bà Lê Thị Ngọc H tự nguyện chịu 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Lê Hoàng Q tự nguyện chịu 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Lê Thị Ngọc H đã nộp 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) nên anh Q phải hoàn trả cho bà H 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Diễm